

TỜ TRÌNH

Dự thảo Nghị quyết Sửa đổi điểm 2.1 khoản 2 Điều 2 Nghị quyết số 41/2022/NQ-HĐND ngày 09 tháng 12 năm 2022 của Hội đồng nhân dân tỉnh Gia Lai quy định nội dung và mức chi đặc thù triển khai thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới giai đoạn 2021-2025 trên địa bàn tỉnh Gia Lai

Kính gửi: Hội đồng nhân dân tỉnh khóa XII, kỳ họp thứ Mười bốn.

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Luật Sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 22 tháng 11 năm 2019;

Căn cứ Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật ngày 22 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Luật Sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật ngày 18 tháng 6 năm 2020;

Căn cứ Luật Ngân sách nhà nước ngày 25 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Quyết định số 148/QĐ-TTg ngày 24 tháng 02 năm 2023 của Thủ tướng Chính phủ về việc ban hành bộ tiêu chí và quy trình đánh giá, phân hạng sản phẩm chương trình mỗi xã một sản phẩm;

Căn cứ Nghị quyết số 41/2022/NQ-HĐND ngày 09 tháng 12 năm 2022 của Hội đồng nhân dân tỉnh “Quy định nội dung và mức chi đặc thù triển khai thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới giai đoạn 2021-2025 trên địa bàn tỉnh Gia Lai”;

Căn cứ Nghị quyết số 271/NQ-HĐND ngày 26/9/2023 của Hội đồng nhân dân tỉnh về việc xây dựng Nghị quyết của Hội đồng nhân dân tỉnh Sửa đổi điểm 2.1 khoản 2 Điều 2 Nghị quyết số 41/2022/NQ-HĐND ngày 09 tháng 12 năm 2022 của Hội đồng nhân dân tỉnh Gia Lai quy định nội dung và mức chi đặc thù triển khai thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới giai đoạn 2021-2025 trên địa bàn tỉnh Gia Lai.

Sau khi lấy ý kiến biểu quyết thành viên Ủy ban nhân dân tỉnh, Ủy ban nhân dân tỉnh trình Hội đồng nhân dân tỉnh khóa XII, kỳ họp thứ Mười bốn xem xét ban hành Nghị quyết của Hội đồng nhân dân tỉnh Sửa đổi điểm 2.1 khoản 2 Điều 2 Nghị quyết số 41/2022/NQ-HĐND ngày 09 tháng 12 năm 2022 của Hội đồng nhân dân tỉnh Gia Lai quy định nội dung và mức chi đặc thù triển khai thực

hiện Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới giai đoạn 2021-2025 trên địa bàn tỉnh Gia Lai, gồm các nội dung sau:

I. SỰ CẦN THIẾT BAN HÀNH VĂN BẢN

Tại điểm b, khoản 1 Phụ lục II ban hành kèm theo Quyết định 1048/QĐ-TTg ngày 21 tháng 8 năm 2019 của Thủ tướng Chính phủ về việc ban hành bộ tiêu chí đánh giá, phân hạng sản phẩm Chương trình mỗi xã một sản phẩm, quy định “*Ủy ban nhân dân cấp tỉnh ban hành Quyết định phê duyệt kết quả đánh giá và Giấy chứng nhận cho các sản phẩm đạt từ ba (03) đến bốn (04) sao, tổ chức công bố kết quả*”. Theo đó, tại điểm 2.1 khoản 2 Điều 2 Nghị quyết số 41/2022/NQ-HĐND quy định “*Chi hỗ trợ cho các đối tượng tham gia đánh giá, phân hạng sản phẩm OCOP thực hiện kiểm nghiệm chất lượng sản phẩm cho các nhóm sản phẩm thực phẩm, đồ uống, dược liệu và sản phẩm từ dược liệu, hàng thủ công mỹ nghệ sau khi được Ủy ban nhân dân tỉnh quyết định công nhận sản phẩm OCOP từ 3 sao trở lên như sau:*”.

Thủ tướng Chính phủ đã ban hành Quyết định số 148/QĐ-TTg ngày 24 tháng 02 năm 2023 về việc ban hành bộ tiêu chí và quy trình đánh giá, phân hạng sản phẩm chương trình mỗi xã một sản phẩm, thay thế Quyết định số 1048/QĐ-TTg. Trong đó, tại điểm b, khoản 1 Phụ lục II ban hành kèm theo Quyết định 148/QĐ-TTg quy định “*Ủy ban nhân dân cấp huyện ban hành Quyết định phê duyệt kết quả đánh giá và Giấy chứng nhận cho các sản phẩm đạt 3 sao, tổ chức công bố kết quả*”; tại điểm c, khoản 1 Phụ lục II ban hành kèm theo Quyết định 148/QĐ-TTg quy định “*Ủy ban nhân dân cấp tỉnh ban hành Quyết định phê duyệt kết quả đánh giá và Giấy chứng nhận cho các sản phẩm đạt 4 sao, tổ chức công bố kết quả*”; tại điểm d, khoản 1 Phụ lục II ban hành kèm theo Quyết định 148/QĐ-TTg quy định “*Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn ban hành Quyết định phê duyệt kết quả đánh giá và Giấy chứng nhận cho các sản phẩm đạt 5 sao (là sản phẩm OCOP cấp quốc gia), tổ chức công bố kết quả.*”

Theo đó, nội dung “*sau khi được Ủy ban nhân dân tỉnh quyết định công nhận sản phẩm OCOP từ 3 sao trở lên*” quy định tại điểm 2.1 khoản 2 Điều 2 Nghị quyết số 41/2022/NQ-HĐND không còn phù hợp để các địa phương triển khai thực hiện.

Trong năm 2023, Ủy ban nhân dân tỉnh Gia Lai đã phân bổ cho Ủy ban nhân dân các huyện, thị xã, thành phố 1.546 triệu đồng từ nguồn ngân sách tỉnh¹ để hỗ trợ thực hiện kiểm nghiệm chất lượng sản phẩm đăng ký tham gia đánh giá, phân hạng sản phẩm OCOP năm 2023. Vì vậy, cần phải ban hành Nghị quyết điều chỉnh Nghị quyết số 41/2022/NQ-HĐND để làm cơ sở cho các địa phương thực hiện hỗ trợ, giải ngân nguồn vốn đã được phân bổ theo đúng quy định.

Nhằm quy định thống nhất với quy định tại Quyết định số 148/QĐ-TTg ngày 24 tháng 02 năm 2023 của Thủ tướng Chính phủ, Hội đồng nhân dân tỉnh

¹ Tại Quyết định số 161/QĐ-UBND ngày 17 tháng 4 năm 2023 của Ủy ban nhân dân tỉnh phân bổ vốn sự nghiệp thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia Xây dựng nông thôn mới năm 2023

ban hành Nghị quyết Sửa đổi điểm 2.1 khoản 2 Điều 2 Nghị quyết số 41/2022/NQ-HĐND ngày 09 tháng 12 năm 2022 của Hội đồng nhân dân tỉnh Gia Lai quy định nội dung và mức chi đặc thù triển khai thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới giai đoạn 2021-2025 trên địa bàn tỉnh Gia Lai là cần thiết, đúng thẩm quyền và phù hợp với Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật.

II. MỤC ĐÍCH, QUAN ĐIỂM XÂY DỰNG DỰ THẢO NGHỊ QUYẾT

1. Mục đích: Ban hành Nghị quyết của Hội đồng nhân dân tỉnh Nghị quyết Sửa đổi điểm 2.1 khoản 2 Điều 2 Nghị quyết số 41/2022/NQ-HĐND ngày 09 tháng 12 năm 2022 của Hội đồng nhân dân tỉnh Gia Lai quy định nội dung và mức chi đặc thù triển khai thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới giai đoạn 2021-2025 trên địa bàn tỉnh Gia Lai để quy định thống nhất với quy định tại Quyết định số 148/QĐ-TTg ngày 24 tháng 02 năm 2023 của Thủ tướng Chính phủ về thẩm quyền công nhận sản phẩm OCOP 3 sao để được nhận kinh phí hỗ trợ.

2. Quan điểm xây dựng văn bản: Ủy ban nhân dân tỉnh đề nghị xây dựng dưới dạng văn bản quy phạm pháp luật.

III. QUÁ TRÌNH XÂY DỰNG DỰ THẢO NGHỊ QUYẾT

Căn cứ Nghị quyết số 271/NQ-HĐND ngày 26/9/2023 của Hội đồng nhân dân tỉnh về việc xây dựng Nghị quyết của Hội đồng nhân dân tỉnh Sửa đổi điểm 2.1 khoản 2 Điều 2 Nghị quyết số 41/2022/NQ-HĐND ngày 09 tháng 12 năm 2022 của Hội đồng nhân dân tỉnh Gia Lai quy định nội dung và mức chi đặc thù triển khai thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới giai đoạn 2021-2025 trên địa bàn tỉnh Gia Lai.

UBND tỉnh đã chỉ đạo Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn xây dựng dự thảo Nghị quyết trên địa bàn tỉnh Gia Lai theo đúng trình tự, thủ tục quy định. Sở Tư pháp có văn bản số 1986/STP-NV1 ngày 08/10/2023 về việc thẩm định dự thảo Nghị quyết Sửa đổi điểm 2.1 khoản 2 Điều 2 Nghị quyết số 41/2022/NQ-HĐND ngày 09 tháng 12 năm 2022 của Hội đồng nhân dân tỉnh Gia Lai quy định nội dung và mức chi đặc thù triển khai thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới giai đoạn 2021-2025 trên địa bàn tỉnh Gia Lai.

IV. BỐ CỤC VÀ NỘI DUNG CƠ BẢN CỦA DỰ THẢO NGHỊ QUYẾT

1. Bố cục: Nghị quyết này gồm 2 Điều.

2. Nội dung cơ bản của dự thảo Nghị quyết

Điều 1. Thay thế cụm từ “sau khi được Ủy ban nhân dân tỉnh quyết định công nhận sản phẩm OCOP từ 3 sao trở lên” tại điểm 2.1 khoản 2 Điều 2 Nghị quyết số 41/2022/NQ-HĐND ngày 09 tháng 12 năm 2022 của Hội

đồng nhân dân tỉnh Gia Lai quy định nội dung và mức chi đặc thù triển khai thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới giai đoạn 2021-2025 trên địa bàn tỉnh Gia Lai

Thay thế cụm từ “sau khi được Ủy ban nhân dân tỉnh quyết định công nhận sản phẩm OCOP từ 3 sao trở lên” thành cụm từ “sau khi được Ủy ban nhân dân các huyện, thị xã, thành phố quyết định công nhận sản phẩm OCOP 3 sao hoặc quyết định phê duyệt kết quả chấm điểm đạt từ 70 điểm trở lên theo quy định tại điểm b khoản 1 và điểm c khoản 3 Phụ lục II ban hành kèm theo Quyết định 148/QĐ-TTg ngày 24 tháng 02 năm 2023 của Thủ tướng Chính phủ về việc ban hành bộ tiêu chí và quy trình đánh giá, phân hạng sản phẩm chương trình mỗi xã một sản phẩm” tại điểm 2.1 khoản 2 Điều 2 Nghị quyết số 41/2022/NQ-HĐND ngày 09 tháng 12 năm 2022 của Hội đồng nhân dân tỉnh Gia Lai quy định nội dung và mức chi đặc thù triển khai thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới giai đoạn 2021-2025 trên địa bàn tỉnh Gia Lai.

Điều 2. Tổ chức thực hiện

1. Giao Ủy ban nhân dân tỉnh hướng dẫn, tổ chức triển khai, thực hiện Nghị quyết này.

2. Thường trực Hội đồng nhân dân, các Ban Hội đồng nhân dân, tổ đại biểu Hội đồng nhân dân, đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh và các cơ quan có chức năng giám sát việc thực hiện nghị quyết.

Trên đây là Tờ trình của Ủy ban nhân dân tỉnh dự thảo Nghị quyết Sửa đổi điểm 2.1 khoản 2 Điều 2 Nghị quyết số 41/2022/NQ-HĐND ngày 09 tháng 12 năm 2022 của Hội đồng nhân dân tỉnh Gia Lai quy định nội dung và mức chi đặc thù triển khai thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới giai đoạn 2021-2025 trên địa bàn tỉnh Gia Lai xin kính trình Hội đồng nhân dân tỉnh khóa XII, kỳ họp thứ Mười bốn xem xét, quyết định./.

(Gửi kèm theo: Dự thảo Nghị quyết, văn bản thẩm định của Sở Tư pháp, Báo cáo giải trình tiếp thu ý kiến, các văn bản góp ý của các cơ quan có liên quan, Báo cáo đánh giá tác động của chính sách).

Nơi nhận: H. a.

- Như trên;
- Thường trực Tỉnh ủy (báo cáo);
- Chủ tịch, các Phó Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh;
- Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn;
- Các sở, ban, ngành thuộc tỉnh;
- Chánh Văn phòng, các Phó CVP UBND tỉnh;
- Lưu: VT, KTTH, NC, NL.

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH



Dương Mah Tiệp

HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN
TỈNH GIA LAI

Số: /2023/NQ-HĐND

DỰ THẢO
(lần 5)

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Gia Lai, ngày tháng năm 2023

NGHỊ QUYẾT

Sửa đổi điểm 2.1 khoản 2 Điều 2 Nghị quyết số 41/2022/NQ-HĐND ngày 09 tháng 12 năm 2022 của Hội đồng nhân dân tỉnh Gia Lai quy định nội dung và mức chi đặc thù triển khai thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới giai đoạn 2021-2025 trên địa bàn tỉnh Gia Lai

HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN TỈNH GIA LAI KHÓA XII, KỲ HỌP THỨ

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Luật Sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 22 tháng 11 năm 2019;

Căn cứ Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật ngày 22 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Luật Sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật ngày 18 tháng 6 năm 2020;

Căn cứ Luật Ngân sách nhà nước ngày 25 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Quyết định số 07/2022/QĐ-TTg ngày 25 tháng 3 năm 2022 của Thủ tướng Chính phủ quy định nguyên tắc, tiêu chí, định mức phân bổ vốn ngân sách Trung ương và tỷ lệ vốn đối ứng của ngân sách địa phương thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới giai đoạn 2021-2025;

Thực hiện Quyết định số 148/QĐ-TTg ngày 24 tháng 02 năm 2023 của Thủ tướng Chính phủ về việc ban hành bộ tiêu chí và quy trình đánh giá, phân hạng sản phẩm chương trình mỗi xã một sản phẩm;

Xét Tờ trình số/TTr-UBND ngày tháng năm 2023 của Ủy ban nhân dân tỉnh Gia Lai dự thảo Nghị quyết Sửa đổi điểm 2.1 khoản 2 Điều 2 Nghị quyết số 41/2022/NQ-HĐND ngày 09 tháng 12 năm 2022 của Hội đồng nhân dân tỉnh Gia Lai quy định nội dung và mức chi đặc thù triển khai thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới giai đoạn 2021-2025 trên địa bàn tỉnh Gia Lai; Báo cáo thẩm tra của Ban Kinh tế - Ngân sách Hội đồng nhân dân tỉnh; ý kiến thảo luận của đại biểu Hội đồng nhân dân tại kỳ họp.

QUYẾT NGHỊ:

Điều 1. Thay thế cụm từ “sau khi được Ủy ban nhân dân tỉnh quyết định công nhận sản phẩm OCOP từ 3 sao trở lên” tại điểm 2.1 khoản 2 Điều 2 Nghị quyết số 41/2022/NQ-HĐND ngày 09 tháng 12 năm 2022 của Hội đồng nhân dân tỉnh Gia Lai quy định nội dung và mức chi đặc thù triển khai thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới giai đoạn 2021-2025 trên địa bàn tỉnh Gia Lai

Thay thế cụm từ “sau khi được Ủy ban nhân dân tỉnh quyết định công nhận sản phẩm OCOP từ 3 sao trở lên” thành cụm từ “sau khi được Ủy ban nhân dân các huyện, thị xã, thành phố quyết định công nhận sản phẩm OCOP 3 sao hoặc quyết định phê duyệt kết quả chấm điểm đạt từ 70 điểm trở lên theo quy định tại điểm b khoản 1 và điểm c khoản 3 Phụ lục II ban hành kèm theo Quyết định 148/QĐ-TTg ngày 24 tháng 02 năm 2023 của Thủ tướng Chính phủ về việc ban hành bộ tiêu chí và quy trình đánh giá, phân hạng sản phẩm chương trình mỗi xã một sản phẩm” tại điểm 2.1 khoản 2 Điều 2 Nghị quyết số 41/2022/NQ-HĐND ngày 09 tháng 12 năm 2022 của Hội đồng nhân dân tỉnh Gia Lai quy định nội dung và mức chi đặc thù triển khai thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới giai đoạn 2021-2025 trên địa bàn tỉnh Gia Lai.

Điều 2. Tổ chức thực hiện

1. Giao Ủy ban nhân dân tỉnh hướng dẫn, tổ chức triển khai, thực hiện Nghị quyết này.

2. Thường trực Hội đồng nhân dân, các Ban Hội đồng nhân dân, tổ đại biểu Hội đồng nhân dân, đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh và các cơ quan có chức năng giám sát việc thực hiện nghị quyết.

Nghị quyết này đã được Hội đồng nhân dân tỉnh Gia Lai khóa XII, Kỳ họp thứ thông qua ngày tháng 12 năm 2023 và có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký./.

Nơi nhận:

- Ủy ban Thường vụ Quốc hội;
- Thủ tướng Chính phủ;
- Các Văn phòng: Quốc hội, Chính phủ;
- Các Bộ: Tài chính; Nông nghiệp và Phát triển nông thôn;
- Vụ pháp chế thuộc Bộ Tài chính;
- Vụ pháp chế thuộc Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn;
- Cục Kiểm tra văn bản quy phạm pháp luật - Bộ Tư pháp;
- Thường trực Tỉnh ủy, Đoàn Đại biểu Quốc hội tỉnh, Hội đồng nhân dân tỉnh;
- Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam tỉnh;
- Đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh;
- Các sở, ban, ngành cấp tỉnh;
- Các Văn phòng: Tỉnh ủy, Đoàn Đại biểu Quốc hội và Hội đồng nhân dân tỉnh, Ủy ban nhân dân tỉnh;
- Hội đồng nhân dân, Ủy ban nhân dân các huyện, thị xã, thành phố;
- Báo Gia Lai, Đài Phát thanh - Truyền hình tỉnh;
- Lưu: VT - HĐND.

CHỦ TỊCH

Hồ Văn Niên

UBND TỈNH GIA LAI
SỞ TƯ PHÁP

Số: 1986/STP-NV1

V/v thẩm định dự thảo Nghị quyết
Sửa đổi điểm 2.1 khoản 2 Điều 2
Nghị quyết số 41/2022/NQ-HĐND
ngày 09 tháng 12 năm 2022 của Hội
đồng nhân dân tỉnh Gia Lai quy định
nội dung và mức chi đặc thù triển
khai thực hiện Chương trình mục
tiêu quốc gia xây dựng nông thôn
mới giai đoạn 2021-2025 trên địa
bàn tỉnh Gia Lai

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Gia Lai, ngày 08 tháng 10 năm 2023

Kính gửi: Sở Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn.

Sở Tư pháp nhận được Văn bản số 3860/SNNPTNT-VPNTM ngày 05/10/2023 của Sở Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn về việc thẩm định hồ sơ ban hành Nghị quyết.

Sau khi nghiên cứu dự thảo Nghị quyết sửa đổi điểm 2.1 khoản 2 Điều 2 Nghị quyết số 41/2022/NQ-HĐND ngày 09 tháng 12 năm 2022 của Hội đồng nhân dân tỉnh Gia Lai quy định nội dung và mức chi đặc thù triển khai thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới giai đoạn 2021-2025 trên địa bàn tỉnh Gia Lai (sau đây viết là dự thảo Nghị quyết sửa đổi điểm 2.1 khoản 2 Điều 2 Nghị quyết số 41/2022/NQ-HĐND) tài liệu kèm theo Văn bản số 3860/SNNPTNT-VPNTM và đối chiếu với các quy định liên quan, Sở Tư pháp có ý kiến thẩm định như sau:

I. SỰ CẦN THIẾT BAN HÀNH VĂN BẢN

Căn cứ Điều 19 Luật Tổ chức chính quyền địa phương; Điều 12¹, khoản 2 Điều 27 Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật; sự cần thiết ban hành văn bản nêu tại dự thảo Tờ trình của Ủy ban nhân dân tỉnh dự thảo Nghị quyết sửa đổi điểm 2.1 khoản 2 Điều 2 Nghị quyết số 41/2022/NQ-HĐND, Hội đồng nhân dân tỉnh ban hành Nghị quyết sửa đổi điểm 2.1 khoản 2 Điều 2 Nghị quyết số 41/2022/NQ-HĐND là cần thiết.

II. PHẠM VI ĐIỀU CHỈNH VÀ ĐỐI TƯỢNG ÁP DỤNG CỦA DỰ THẢO VĂN BẢN

Thông nhất phạm vi điều chỉnh và đối tượng áp dụng của dự thảo văn bản.

III. SỰ PHÙ HỢP CỦA NỘI DUNG DỰ THẢO VĂN BẢN VỚI ĐƯỜNG

¹ Được sửa đổi, bổ sung tại khoản 3 Điều 1 Luật Sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật.

LỐI, CHỦ TRƯỞNG CỦA ĐẢNG, CHÍNH SÁCH CỦA NHÀ NƯỚC; TÍNH HỢP HIẾN, TÍNH HỢP PHÁP, TÍNH THỐNG NHẤT CỦA DỰ THẢO VĂN BẢN VỚI HỆ THỐNG PHÁP LUẬT

1. Sự phù hợp của nội dung dự thảo văn bản với đường lối, chủ trương của Đảng, chính sách của Nhà nước

Nội dung dự thảo văn bản phù hợp với đường lối, chủ trương của Đảng, chính sách của Nhà nước. Tuy nhiên, đề nghị nghiên cứu ý kiến tại khoản 3 Mục này để hoàn thiện dự thảo Nghị quyết sửa đổi điểm 2.1 khoản 2 Điều 2 Nghị quyết số 41/2022/NQ-HĐND.

2. Thẩm quyền ban hành văn bản

Căn cứ Điều 19 Luật Tổ chức chính quyền địa phương; Điều 12², khoản 2 Điều 27 Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật, Hội đồng nhân dân tỉnh ban hành Nghị quyết sửa đổi điểm 2.1 khoản 2 Điều 2 Nghị quyết số 41/2022/NQ-HĐND là đúng thẩm quyền.

3. Nội dung dự thảo văn bản

a) Tại phần căn cứ ban hành văn bản:

- Khoản 3 Điều 50 Thông tư số 53/2022/TT-BTC ngày 12/8/2022 của Bộ trưởng Bộ Tài chính quy định quản lý và sử dụng kinh phí sự nghiệp từ nguồn ngân sách trung ương thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới giai đoạn 2021-2025 quy định: “3. *Trường hợp trong quá trình triển khai thực hiện Chương trình có phát sinh các khoản chi đặc thù chưa được quy định trong các văn bản của Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ, Bộ Tài chính và Thông tư này; Hội đồng nhân dân cấp tỉnh xem xét, quyết định phù hợp với khả năng ngân sách của địa phương theo quy định tại khoản 3 Điều 21 Nghị định số 163/2016/NĐ-CP ngày 21 tháng 12 năm 2016 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật ngân sách nhà nước.*”.

Trên cơ sở quy định tại khoản 3 Điều 50 Thông tư số 53/2022/TT-BTC và các văn bản quy phạm pháp luật có liên quan, Hội đồng nhân dân tỉnh ban hành Nghị quyết số 41/2022/NQ-HĐND³.

- Ngày 15/8/2023, Bộ trưởng Bộ Tài chính ban hành Thông tư số 55/2023/TT-BTC quy định quản lý, sử dụng và quyết toán kinh phí sự nghiệp từ nguồn ngân sách nhà nước thực hiện các chương trình mục tiêu quốc gia giai đoạn 2021-2025. Theo đó, Thông tư số 53/2022/TT-BTC hết hiệu lực kể từ ngày Thông tư số 55/2023/TT-BTC có hiệu lực thi hành.

² Được sửa đổi, bổ sung tại khoản 3 Điều 1 Luật Sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật.

³ Tại phần căn cứ ban hành Nghị quyết số 41/2022/NQ-HĐND có căn cứ Thông tư số 53/2022/TT-BTC.

Tại khoản 2 Điều 126 Thông tư số 55/2023/TT-BTC quy định: “Đối với các địa phương đã ban hành Nghị quyết của Hội đồng nhân dân cấp tỉnh quy định nội dung, mức chi, hỗ trợ được tiếp tục thực hiện và rà soát lại theo quy định tại Thông tư này. Trường hợp không còn phù hợp thì Ủy ban nhân dân cấp tỉnh trình Hội đồng nhân dân cùng cấp để sửa đổi, bổ sung cho phù hợp.”

Từ các nội dung nêu trên, đề nghị cơ quan soạn thảo rà soát Nghị quyết số 41/2022/NQ-HĐND và xác định có căn cứ Thông tư số 55/2023/TT-BTC để xây dựng Nghị quyết sửa đổi điểm 2.1 khoản 2 Điều 2 Nghị quyết số 41/2022/NQ-HĐND hay không? Trên cơ sở đó, xác định bổ sung căn cứ ban hành văn bản đảm bảo thống nhất.

b) Tại Điều 1:

Căn cứ mẫu số 36 Phụ lục I kèm theo Nghị định số 154/2020/NĐ-CP ngày 31/12/2023 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 34/2016/NĐ-CP ngày 14/5/2016 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật, điểm b khoản 1 và điểm c khoản 3 Phụ lục II ban hành kèm theo Quyết định số 148/QĐ-TTg ngày 24 tháng 02 năm 2023 của Thủ tướng Chính phủ về việc ban hành bộ tiêu chí và quy trình đánh giá, phân hạng sản phẩm chương trình mỗi xã một sản phẩm, đề nghị chỉnh sửa Điều 1 như sau:

“Điều 1. Thay thế cụm từ “sau khi được Ủy ban nhân dân tỉnh quyết định công nhận sản phẩm OCOP từ 3 sao trở lên” tại điểm 2.1 khoản 2 Điều 2 Nghị quyết số 41/2022/NQ-HĐND ngày 09 tháng 12 năm 2022 của Hội đồng nhân dân tỉnh Gia Lai quy định nội dung và mức chi đặc thù triển khai thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới giai đoạn 2021-2025 trên địa bàn tỉnh Gia Lai

Thay thế cụm từ “sau khi được Ủy ban nhân dân tỉnh quyết định công nhận sản phẩm OCOP từ 3 sao trở lên” thành “sau khi được Ủy ban nhân dân các huyện, thị xã, thành phố quyết định công nhận sản phẩm OCOP 3 sao hoặc quyết định phê duyệt kết quả chấm điểm đạt từ 70 điểm trở lên theo quy định tại điểm b khoản 1 và điểm c khoản 3 Phụ lục II ban hành kèm theo Quyết định số 148/QĐ-TTg ngày 24 tháng 02 năm 2023 của Thủ tướng Chính phủ về việc ban hành bộ tiêu chí và quy trình đánh giá, phân hạng sản phẩm chương trình mỗi xã một sản phẩm” tại điểm 2.1 khoản 2 Điều 2 Nghị quyết số 41/2022/NQ-HĐND ngày 09 tháng 12 năm 2022 của Hội đồng nhân dân tỉnh Gia Lai quy định nội dung và mức chi đặc thù triển khai thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới giai đoạn 2021-2025 trên địa bàn tỉnh Gia Lai.”.

IV. NGÔN NGỮ, KỸ THUẬT SOẠN THẢO VĂN BẢN

Đề nghị đối chiếu dự thảo văn bản với mẫu số 36 Phụ lục I kèm theo Nghị định số 154/2020/NĐ-CP; quy định tại Nghị định số 34/2016/NĐ-CP ngày 14/5/2016 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Ban hành văn bản

quy phạm pháp luật, Nghị định số 154/2020/NĐ-CP để trình bày dự thảo văn bản đảm bảo phù hợp với quy định. Chẳng hạn như: Tại phần căn cứ ban hành văn bản, sau mỗi căn cứ phải xuống dòng theo quy định tại Điều 61 Nghị định số 34/2016/NĐ-CP;...

Trên đây là ý kiến thẩm định của Sở Tư pháp đối với dự thảo văn bản. Dự thảo văn bản đủ điều kiện trình Ủy ban nhân dân tỉnh. Đề nghị Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn nghiên cứu các ý kiến nêu tại Văn bản này để chỉnh lý, hoàn thiện dự thảo văn bản, đồng thời gửi báo cáo giải trình, tiếp thu kèm theo dự thảo văn bản đã được chỉnh lý đến Sở Tư pháp khi trình Ủy ban nhân dân tỉnh dự thảo văn bản./.

Nơi nhận:

- Như trên;
- Lưu: VT, NV1.



Lê Thị Ngọc Lam

BÁO CÁO

Giải trình, tiếp thu ý kiến thẩm định dự thảo Nghị quyết Sửa đổi điểm 2.1 khoản 2 Điều 2 Nghị quyết số 41/2022/NQ-HĐND ngày 09 tháng 12 năm 2022 của Hội đồng nhân dân tỉnh Gia Lai quy định nội dung và mức chi đặc thù triển khai thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới giai đoạn 2021-2025 trên địa bàn tỉnh Gia Lai

Thực hiện Quyết định 1048/QĐ-TTg ngày 21 tháng 8 năm 2019 của Thủ tướng Chính phủ về việc ban hành bộ tiêu chí đánh giá, phân hạng sản phẩm Chương trình mỗi xã một sản phẩm.

Thực hiện Nghị quyết số 41/2022/NQ-HĐND ngày 09 tháng 12 năm 2022 của Hội đồng nhân dân tỉnh Gia Lai quy định nội dung và mức chi đặc thù triển khai thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới giai đoạn 2021-2025 trên địa bàn tỉnh Gia Lai

Thực hiện Nghị quyết số 271/NQ-HĐND ngày 26/9/2023 của Hội đồng nhân dân tỉnh về việc xây dựng Nghị quyết của HĐND tỉnh Sửa đổi điểm 2.1 khoản 2 Điều 2 Nghị quyết số 41/2022/NQ-HĐND ngày 09 tháng 12 năm 2022 của Hội đồng nhân dân tỉnh Gia Lai quy định nội dung và mức chi đặc thù triển khai thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới giai đoạn 2021-2025 trên địa bàn tỉnh Gia Lai.

Sau khi gửi Sở Tư pháp thẩm định hồ sơ dự thảo Nghị quyết Sửa đổi điểm 2.1 khoản 2 Điều 2 Nghị quyết số 41/2022/NQ-HĐND ngày 09 tháng 12 năm 2022 của Hội đồng nhân dân tỉnh Gia Lai quy định nội dung và mức chi đặc thù triển khai thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới giai đoạn 2021-2025 trên địa bàn tỉnh Gia Lai, Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn báo cáo giải trình, tiếp thu ý kiến thẩm định như sau:

I. Sự cần thiết ban hành Nghị quyết

1. Căn cứ thực tiễn

Tại điểm b, khoản 1 Phụ lục II ban hành kèm theo Quyết định 1048/QĐ-TTg ngày 21 tháng 8 năm 2019 của Thủ tướng Chính phủ về việc ban hành bộ tiêu chí đánh giá, phân hạng sản phẩm Chương trình mỗi xã một sản phẩm, quy định “Ủy ban nhân dân cấp tỉnh ban hành Quyết định phê duyệt kết quả đánh giá và Giấy chứng nhận cho các sản phẩm đạt từ ba (03) đến bốn (04) sao, tổ chức công bố kết quả”. Theo đó, tại điểm 2.1 khoản 2 Điều 2 Nghị quyết số 41/2022/NQ-HĐND quy định “Chi hỗ trợ cho các đối tượng tham gia đánh giá,

phân hạng sản phẩm OCOP thực hiện kiểm nghiệm chất lượng sản phẩm cho các nhóm sản phẩm thực phẩm, đồ uống, dược liệu và sản phẩm từ dược liệu, hàng thủ công mỹ nghệ sau khi được Ủy ban nhân dân tỉnh quyết định công nhận sản phẩm OCOP từ 3 sao trở lên như sau:”.

Thủ tướng Chính phủ đã ban hành Quyết định số 148/QĐ-TTg ngày 24 tháng 02 năm 2023 về việc ban hành bộ tiêu chí và quy trình đánh giá, phân hạng sản phẩm chương trình mỗi xã một sản phẩm, thay thế Quyết định số 1048/QĐ-TTg. Trong đó, tại điểm b, khoản 1 Phụ lục II ban hành kèm theo Quyết định 148/QĐ-TTg quy định “*Ủy ban nhân dân cấp huyện ban hành Quyết định phê duyệt kết quả đánh giá và Giấy chứng nhận cho các sản phẩm đạt 3 sao, tổ chức công bố kết quả*”; tại điểm c, khoản 1 Phụ lục II ban hành kèm theo Quyết định 148/QĐ-TTg quy định “*Ủy ban nhân dân cấp tỉnh ban hành Quyết định phê duyệt kết quả đánh giá và Giấy chứng nhận cho các sản phẩm đạt 4 sao, tổ chức công bố kết quả*”; tại điểm d, khoản 1 Phụ lục II ban hành kèm theo Quyết định 148/QĐ-TTg quy định “*Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn ban hành Quyết định phê duyệt kết quả đánh giá và Giấy chứng nhận cho các sản phẩm đạt 5 sao (là sản phẩm OCOP cấp quốc gia), tổ chức công bố kết quả.*”

Theo đó, nội dung “*sau khi được Ủy ban nhân dân tỉnh quyết định công nhận sản phẩm OCOP từ 3 sao trở lên*” quy định tại điểm 2.1 khoản 2 Điều 2 Nghị quyết số 41/2022/NQ-HĐND không còn phù hợp để các địa phương triển khai thực hiện.

Trong năm 2023, Ủy ban nhân dân tỉnh Gia Lai đã phân bổ cho Ủy ban nhân dân các huyện, thị xã, thành phố 1.546 triệu đồng từ nguồn ngân sách tỉnh¹ để hỗ trợ thực hiện kiểm nghiệm chất lượng sản phẩm đăng ký tham gia đánh giá, phân hạng sản phẩm OCOP năm 2023. Vì vậy, cần phải ban hành Nghị quyết điều chỉnh Nghị quyết số 41/2022/NQ-HĐND để làm cơ sở cho các địa phương thực hiện hỗ trợ, giải ngân nguồn vốn đã được phân bổ theo đúng quy định.

2. Cơ sở pháp lý

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Luật Sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 22 tháng 11 năm 2019;

Căn cứ Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật ngày 22 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Luật Sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật ban hành văn bản quy phạm pháp luật ngày 18 tháng 6 năm 2020;

Căn cứ Nghị định số 34/2016/NĐ-CP ngày 14 tháng 5 năm 2016 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật ban hành văn bản quy phạm pháp luật;

¹ Tại Quyết định số 161/QĐ-UBND ngày 17 tháng 4 năm 2023 của Ủy ban nhân dân tỉnh phân bổ vốn sự nghiệp thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia Xây dựng nông thôn mới năm 2023

Căn cứ Nghị định số 154/2020/NĐ-CP ngày 31 tháng 12 năm 2020 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 34/2016/NĐ-CP ngày 14 tháng 5 năm 2016 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật;

Tại khoản 1 Điều 12 Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật (được sửa đổi, bổ sung bởi khoản 3 Điều 1 Luật Sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật).

“Văn bản quy phạm pháp luật chỉ được sửa đổi, bổ sung, thay thế hoặc bãi bỏ bằng văn bản quy phạm pháp luật của chính cơ quan nhà nước đã ban hành văn bản đó hoặc bị đình chỉ việc thi hành hoặc bãi bỏ bằng văn bản của cơ quan nhà nước, người có thẩm quyền. Văn bản sửa đổi, bổ sung, thay thế, bãi bỏ hoặc đình chỉ việc thi hành văn bản khác phải xác định rõ tên văn bản, phần, chương, mục, tiểu mục, điều, khoản, điểm của văn bản bị sửa đổi, bổ sung, thay thế, bãi bỏ hoặc đình chỉ việc thi hành.

Văn bản bãi bỏ văn bản quy phạm pháp luật phải được đăng Công báo, niêm yết theo quy định.”

Tại khoản 2 Điều 27 Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật quy định:

“Hội đồng nhân dân cấp tỉnh ban hành nghị quyết để quy định:

2. Chính sách, biện pháp nhằm bảo đảm thi hành Hiến pháp, luật, văn bản quy phạm pháp luật của cơ quan nhà nước cấp trên.”

Tại khoản 35 Điều 1 Luật Sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật quy định:

“1. Tổ chức xây dựng dự thảo nghị quyết. Đối với nghị quyết quy định tại khoản 1 Điều 27 của Luật này thì phải bảo đảm phù hợp với văn bản quy phạm pháp luật đã giao quy định chi tiết; đối với nghị quyết quy định tại khoản 4 Điều 27 của Luật này thì phải bảo đảm thống nhất với các chính sách đã được thông qua.

1a. Đánh giá tác động của chính sách đối với dự thảo nghị quyết quy định tại khoản 2 và khoản 3 Điều 27 của Luật này.”

Nhằm quy định thống nhất với quy định tại Quyết định số 148/QĐ-TTg ngày 24 tháng 02 năm 2023 của Thủ tướng Chính phủ, Hội đồng nhân dân tỉnh ban hành Nghị quyết Sửa đổi điểm 2.1 khoản 2 Điều 2 Nghị quyết số 41/2022/NQ-HĐND ngày 09 tháng 12 năm 2022 của Hội đồng nhân dân tỉnh Gia Lai quy định nội dung và mức chi đặc thù triển khai thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới giai đoạn 2021-2025 trên địa bàn tỉnh Gia Lai là cần thiết, đúng thẩm quyền và phù hợp với Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật.

II. Nội dung chính của Nghị quyết

1. Bố cục: Nghị quyết này gồm 2 Điều.

2. Nội dung cơ bản của dự thảo Nghị quyết

- Điều 1. Thay thế cụm từ “sau khi được Ủy ban nhân dân tỉnh quyết định công nhận sản phẩm OCOP từ 3 sao trở lên” tại điểm 2.1 khoản 2 Điều 2 Nghị quyết số 41/2022/NQ-HĐND ngày 09 tháng 12 năm 2022 của Hội đồng nhân dân tỉnh Gia Lai quy định nội dung và mức chi đặc thù triển khai thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới giai đoạn 2021-2025 trên địa bàn tỉnh Gia Lai.

- Điều 2. Tổ chức thực hiện

III. Nội dung thẩm định của Sở Tư pháp

1. Nội dung dự thảo văn bản

a) Tại phần căn cứ ban hành văn bản:

- Khoản 3 Điều 50 Thông tư số 53/2022/TT-BTC ngày 12/8/2022 của Bộ trưởng Bộ Tài chính quy định quản lý và sử dụng kinh phí sự nghiệp từ nguồn ngân sách trung ương thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới giai đoạn 2021-2025 quy định: “3. Trường hợp trong quá trình triển khai thực hiện Chương trình có phát sinh các khoản chi đặc thù chưa được quy định trong các văn bản của Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ, Bộ Tài chính và Thông tư này; Hội đồng nhân dân cấp tỉnh xem xét, quyết định phù hợp với khả năng ngân sách của địa phương theo quy định tại khoản 3 Điều 21 Nghị định số 163/2016/NĐ-CP ngày 21 tháng 12 năm 2016 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật ngân sách nhà nước.”.

Trên cơ sở quy định tại khoản 3 Điều 50 Thông tư số 53/2022/TT-BTC và các văn bản quy phạm pháp luật có liên quan, Hội đồng nhân dân tỉnh ban hành Nghị quyết số 41/2022/NQ-HĐND².

- Ngày 15/8/2023, Bộ trưởng Bộ Tài chính ban hành Thông tư số 55/2023/TT-BTC quy định quản lý, sử dụng và quyết toán kinh phí sự nghiệp từ nguồn ngân sách nhà nước thực hiện các chương trình mục tiêu quốc gia giai đoạn 2021-2025. Theo đó, Thông tư số 53/2022/TT-BTC hết hiệu lực kể từ ngày Thông tư số 55/2023/TT-BTC có hiệu lực thi hành.

Tại khoản 2 Điều 126 Thông tư số 55/2023/TT-BTC quy định: “Đối với các địa phương đã ban hành Nghị quyết của Hội đồng nhân dân cấp tỉnh quy định nội dung, mức chi, hỗ trợ được tiếp tục thực hiện và rà soát lại theo quy định tại Thông tư này. Trường hợp không còn phù hợp thì Ủy ban nhân dân cấp tỉnh trình Hội đồng nhân dân cùng cấp để sửa đổi, bổ sung cho phù hợp.”

Từ các nội dung nêu trên, đề nghị cơ quan soạn thảo rà soát Nghị quyết số 41/2022/NQ-HĐND và xác định có căn cứ Thông tư số 55/2023/TT-BTC để xây dựng Nghị quyết sửa đổi điểm 2.1 khoản 2 Điều 2 Nghị quyết số 41/2022/NQ-HĐND hay không? Trên cơ sở đó, xác định bổ sung căn cứ ban hành văn bản đảm bảo thống nhất.

² Tại phần căn cứ ban hành Nghị quyết số 41/2022/NQ-HĐND có căn cứ Thông tư số 53/2022/TT-BTC.

Giải trình:

Tại khoản 2 Điều 126 Thông tư số 55/2023/TT-BTC quy định: “Đối với các địa phương đã ban hành Nghị quyết của Hội đồng nhân dân cấp tỉnh quy định nội dung, mức chi, hỗ trợ được tiếp tục thực hiện và rà soát lại theo quy định tại Thông tư này. Trường hợp không còn phù hợp thì Ủy ban nhân dân cấp tỉnh trình Hội đồng nhân dân cùng cấp để sửa đổi, bổ sung cho phù hợp.”

Theo đó, Thông tư số 55/2023/TT-BTC yêu cầu rà soát các nghị quyết đã ban hành với các nội dung chi quy định tại Thông tư để trình Hội đồng nhân dân sửa đổi, bổ sung cho phù hợp. Tuy nhiên, các nội dung chi quy định trong Nghị quyết số 41/2022/NQ-HĐND không được quy định chi tiết trong Thông tư số 55/2023/TT-BTC.

Đối chiếu với quy định tại khoản 2 Điều 127 Thông tư số 55/2023/TT-BTC³ các nội dung chi quy định trong Nghị quyết số 41/2022/NQ-HĐND vẫn còn phù hợp.

Bên cạnh đó, nội dung đề xuất, sửa đổi trong dự thảo Nghị quyết là thẩm quyền quyết định công nhận sản phẩm OCOP để đủ điều kiện được nhận kinh phí hỗ trợ, không thay đổi về chính sách hỗ trợ.

Vì vậy, không thể căn cứ quy định tại khoản 2 Điều 126 Thông tư số 55/2023/TT-BTC để căn cứ xây dựng Nghị quyết.

b) Tại Điều 1:

Căn cứ mẫu số 36 Phụ lục I kèm theo Nghị định số 154/2020/NĐ-CP ngày 31/12/2023 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 34/2016/NĐ-CP ngày 14/5/2016 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật, điểm b khoản 1 và điểm c khoản 3 Phụ lục II ban hành kèm theo Quyết định số 148/QĐ-TTg ngày 24 tháng 02 năm 2023 của Thủ tướng Chính phủ về việc ban hành bộ tiêu chí và quy trình đánh giá, phân hạng sản phẩm chương trình mỗi xã một sản phẩm, đề nghị chỉnh sửa Điều 1 như sau:

“Điều 1. Thay thế cụm từ “sau khi được Ủy ban nhân dân tỉnh quyết định công nhận sản phẩm OCOP từ 3 sao trở lên” tại điểm 2.1 khoản 2 Điều 2 Nghị quyết số 41/2022/NQ-HĐND ngày 09 tháng 12 năm 2022 của Hội đồng nhân dân tỉnh Gia Lai quy định nội dung và mức chi đặc thù triển khai thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới giai đoạn 2021-2025 trên địa bàn tỉnh Gia Lai

Thay thế cụm từ “sau khi được Ủy ban nhân dân tỉnh quyết định công nhận sản phẩm OCOP từ 3 sao trở lên” thành “sau khi được Ủy ban nhân dân các huyện, thị xã, thành phố quyết định công nhận sản phẩm OCOP 3 sao hoặc

³ “Trường hợp trong quá trình triển khai thực hiện các chương trình có phát sinh các khoản chi đặc thù chưa được quy định trong các văn bản của Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ, Bộ Tài chính và Thông tư này; Hội đồng nhân dân cấp tỉnh xem xét, quyết định phù hợp với khả năng ngân sách của địa phương theo quy định tại khoản 3 Điều 21 Nghị định số 163/2016/NĐ-CP ngày 21 tháng 12 năm 2016 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật ngân sách nhà nước.”

quyết định phê duyệt kết quả chấm điểm đạt từ 70 điểm trở lên theo quy định tại điểm b khoản 1 và điểm c khoản 3 Phụ lục II ban hành kèm theo Quyết định số 148/QĐ-TTg ngày 24 tháng 02 năm 2023 của Thủ tướng Chính phủ về việc ban hành bộ tiêu chí và quy trình đánh giá, phân hạng sản phẩm chương trình mỗi xã một sản phẩm” tại điểm 2.1 khoản 2 Điều 2 Nghị quyết số 41/2022/NQ-HĐND ngày 09 tháng 12 năm 2022 của Hội đồng nhân dân tỉnh Gia Lai quy định nội dung và mức chi đặc thù triển khai thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới giai đoạn 2021-2025 trên địa bàn tỉnh Gia Lai.”.

Giải trình:

Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn đã tiếp thu và điều chỉnh vào trong dự thảo.

2. Ngôn ngữ, kỹ thuật soạn thảo văn bản

Đề nghị đối chiếu dự thảo văn bản với mẫu số 36 Phụ lục I kèm theo Nghị định số 154/2020/NĐ-CP; quy định tại Nghị định số 34/2016/NĐ-CP ngày 14/5/2016 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật, Nghị định số 154/2020/NĐ-CP để trình bày dự thảo văn bản đảm bảo phù hợp với quy định. Chẳng hạn như: Tại phần căn cứ ban hành văn bản, sau mỗi căn cứ phải xuống dòng theo quy định tại Điều 61 Nghị định số 34/2016/NĐ-CP;...

Giải trình:

Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn đã tiếp thu và điều chỉnh vào trong dự thảo.

Trên đây là báo cáo giải trình, tiếp thu ý kiến thẩm định về dự thảo Nghị quyết Sửa đổi điểm 2.1 khoản 2 Điều 2 Nghị quyết số 41/2022/NQ-HĐND ngày 09 tháng 12 năm 2022 của Hội đồng nhân dân tỉnh Gia Lai quy định nội dung và mức chi đặc thù triển khai thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới giai đoạn 2021-2025 trên địa bàn tỉnh Gia Lai của Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn./.

Nơi nhận:

- UBND tỉnh;
- Sở Tư pháp;
- Giám đốc, các PGĐ Sở;
- Lãnh đạo VPĐP NTM tỉnh;
- Lưu VT, VPNTM.

**KT. GIÁM ĐỐC
PHÓ GIÁM ĐỐC**



Vũ Ngọc An

Tổng hợp các ý kiến góp ý vào dự thảo đề nghị ban hành Nghị quyết Sửa đổi điểm 2.1 khoản 2 Điều 2 Nghị quyết số 41/2022/NQ-HĐND ngày 09 tháng 12 năm 2022 của Hội đồng nhân dân tỉnh Gia Lai quy định nội dung và mức chi đặc thù triển khai thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới giai đoạn 2021-2025 trên địa bàn tỉnh Gia Lai

STT	Đơn vị tham gia góp ý	Các ý kiến tham gia	Ý kiến giải trình của Sở Nông nghiệp và PTNT
I	Các sở, ban, ngành của tỉnh: Có 29 sở, ban, ngành được gửi văn bản lấy ý kiến		
1	Sở Kế hoạch và Đầu tư	Tại Điều 1 dự thảo Nghị quyết: đề nghị sửa cụm từ “sau khi được Ủy ban nhân dân cấp huyện công nhận sản phẩm OCOP 3 sao trở lên” thành “sau khi được Ủy ban nhân dân các huyện, thị xã, thành phố công nhận sản phẩm OCOP 3 sao”	Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn đã tiếp thu và điều chỉnh trong dự thảo Nghị quyết.
2	Sở Tư Pháp		
		Dự thảo nghị quyết	
		- Căn cứ Điều 61 Nghị định số 34/2016/NĐ-CP ngày 14/5/2016 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật, tại “Căn cứ Quyết định số 148/QĐ-TTg ngày 24 tháng 02 năm 2023 của Thủ tướng Chính phủ về việc ban hành bộ tiêu chí và quy trình đánh giá, phân hạng sản phẩm chương trình mỗi xã một sản phẩm;”, đề nghị thay từ “Căn cứ” bằng từ “Thực hiện”;	Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn đã tiếp thu và điều chỉnh trong dự thảo Nghị quyết
		- Căn cứ mẫu số 36 Phụ lục I kèm theo Nghị định số 154/2020/NĐ-CP ngày 31/12/2020 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 34/2016/NĐ-CP ngày 14/5/2016 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật, đề nghị sửa	Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn đã tiếp thu và điều chỉnh trong dự thảo Nghị quyết

STT	Đơn vị tham gia góp ý	Các ý kiến tham gia	Ý kiến giải trình của Sở Nông nghiệp và PTNT
		<p>dòng cuối cùng như sau: “Xét Tờ trình ...; Báo cáo thẩm tra của Ban Kinh tế - Ngân sách Hội đồng nhân dân tỉnh; ý kiến thảo luận của đại biểu Hội đồng nhân dân tại kỳ họp.”.</p>	
		<p>b) Tại Điều 1:</p> <p>- Tại tên của điều, căn cứ mẫu số 36 Phụ lục I kèm theo Nghị định số 154/2020/NĐ-CP, đề nghị bổ sung tên điều nhằm đảm bảo tính đầy đủ, chính xác.</p>	<p>Tại cuộc họp ngày 22/9/2023 tại Ban Kinh tế - Ngân sách tỉnh về việc xem xét, cho ý kiến đối với đề nghị xây dựng Nghị quyết Sửa đổi điểm 2.1 khoản 2 Điều 2 Nghị quyết số 41/2022/NQ-HĐND ngày 09 tháng 12 năm 2022 của Hội đồng nhân dân tỉnh Gia Lai quy định nội dung và mức chi đặc thù triển khai thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới giai đoạn 2021-2025 trên địa bàn tỉnh Gia Lai: Để xác định nội dung điều chỉnh trong dự thảo Nghị quyết không liên quan đến chính sách quy định tại Nghị quyết số 41/2022/NQ-HĐND, không áp dụng quy trình xây dựng nghị quyết đặc thù quy định tại Khoản 4 Điều 27 Luật ban hành văn bản quy phạm pháp luật, Sở Tư pháp cho ý kiến về Điều 1 của dự thảo Nghị quyết viết thẳng nội dung đề xuất sửa đổi, không thực hiện theo mẫu. Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn đã tiếp thu ý kiến góp ý của Sở Tư pháp vào dự thảo nghị quyết.</p>
		<p>- Điểm b khoản 1 và điểm c khoản 3 Phụ lục II ban hành kèm theo Quyết định số 148/QĐ-TTg ngày 24 tháng 02 năm 2023 của Thủ tướng Chính phủ về việc ban hành bộ tiêu chí và quy trình đánh giá, phân hạng sản phẩm chương trình mỗi xã một sản phẩm, quy định:</p> <p>“1. Trình tự đánh giá, phân hạng sản phẩm OCOP</p> <p>b) Công tác đánh giá tại huyện, quận, thị xã, thành phố trực thuộc tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương</p> <p>- Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện, quận, thị xã, thành</p>	<p>Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn đã tiếp thu và điều chỉnh trong dự thảo Nghị quyết</p>

STT	Đơn vị tham gia góp ý	Các ý kiến tham gia	Ý kiến giải trình của Sở Nông nghiệp và PTNT
		<p><i>phố trực thuộc tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương (UBND cấp huyện) thành lập Hội đồng đánh giá, phân hạng sản phẩm OCOP (Hội đồng cấp huyện), Tổ tư vấn (hoặc Tổ giúp việc) và ban hành Quy chế hoạt động của Hội đồng.</i></p> <ul style="list-style-type: none"> - Hội đồng cấp huyện tổ chức đánh giá, phân hạng các sản phẩm tham gia Chương trình OCOP. - UBND cấp huyện ban hành Quyết định phê duyệt kết quả đánh giá và Giấy chứng nhận cho các sản phẩm đạt 3 sao, tổ chức công bố kết quả. - UBND cấp huyện chuyển hồ sơ các sản phẩm có số điểm đạt từ 70 điểm đến 100 điểm (từ 4 sao trở lên) lên Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương (UBND cấp tỉnh) để đề nghị đánh giá, phân hạng, công nhận sản phẩm OCOP. <p>3. Yêu cầu về hồ sơ đánh giá sản phẩm OCOP</p> <p>c) Hồ sơ đề xuất đánh giá sản phẩm cấp tỉnh: Do UBND cấp huyện chuẩn bị, bao gồm:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Công văn gửi UBND cấp tỉnh đề nghị đánh giá, phân hạng sản phẩm OCOP. - Tài liệu họp Hội đồng cấp huyện: Báo cáo thẩm định của Tổ tư vấn; Biên bản đánh giá của Hội đồng cấp huyện; Quyết định phê duyệt kết quả chấm điểm. - Hồ sơ sản phẩm.” <p>Căn cứ nội dung trên, đề nghị Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn xây dựng nội dung “sau khi được Ủy ban nhân dân cấp huyện công nhận sản phẩm OCOP 3 sao trở lên hoặc Quyết định phê duyệt kết quả chấm điểm đạt từ 70 điểm trở lên theo quy định tại điểm b</p>	

STT	Đơn vị tham gia góp ý	Các ý kiến tham gia	Ý kiến giải trình của Sở Nông nghiệp và PTNT
		<i>khoản 1 và điểm c khoản 3 Phụ lục II...</i> ” đảm bảo chính xác, phù hợp.	
		c) Tại Điều 2 , căn cứ khoản 2 ¹ Điều 151 Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật (được sửa đổi, bổ sung tại khoản 48 Điều 1 của Luật Sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật), đề nghị cơ quan soạn thảo lưu ý việc xác định thời điểm có hiệu lực của văn bản để báo cáo, đề xuất cơ quan có thẩm quyền xem xét quyết định.	Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn đã tiếp thu và điều chỉnh trong dự thảo Nghị quyết
		d) Tại phần nơi nhận: - Đề nghị bỏ dòng “ <i>Như Điều 3;</i> ” nhằm đảm bảo tính chính xác. - Đề nghị trình bày rõ ràng (không viết tắt) tên các đơn vị nhận văn bản, cụ thể: “ <i>VP</i> ”, “ <i>ĐBQH</i> ”, “ <i>HĐND</i> ”, “ <i>MTTQ</i> ”, “ <i>ĐBQH&HĐND</i> ”, “ <i>UBND</i> ”, “ <i>PTTH</i> ”.	Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn đã tiếp thu và điều chỉnh trong dự thảo Nghị quyết
		3. Về dự thảo báo cáo đánh giá tác động của chính sách và dự thảo tờ trình a) Đề nghị nghiên cứu nội dung tại khoản 1 Văn bản này để chỉnh sửa nội dung tương tự tại dự thảo văn bản nhằm đảm bảo tính thống nhất. b) Đề nghị nghiên cứu mẫu số 01 (đối với dự thảo báo cáo đánh giá tác động chính sách), mẫu số 03 (đối với dự thảo tờ trình) phụ lục V kèm theo Nghị định số 154/2020/NĐ-CP để chỉnh sửa dự thảo văn bản nhằm	Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn đã tiếp thu và điều chỉnh trong dự thảo Nghị quyết

¹ Quy định: “*Văn bản quy phạm pháp luật được ban hành theo trình tự, thủ tục rút gọn thì có thể có hiệu lực kể từ ngày thông qua hoặc ký ban hành, đồng thời phải được đăng ngay trên cổng thông tin điện tử của cơ quan ban hành và phải được đưa tin trên phương tiện thông tin đại chúng; đăng Công báo nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam chậm nhất là 03 ngày kể từ ngày công bố hoặc ký ban hành đối với văn bản quy phạm pháp luật của cơ quan nhà nước ở trung ương; đăng Công báo tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương chậm nhất là 03 ngày kể từ ngày thông qua hoặc ký ban hành đối với văn bản quy phạm pháp luật của Hội đồng nhân dân, Ủy ban nhân dân cấp tỉnh.*”.

STT	Đơn vị tham gia góp ý	Các ý kiến tham gia	Ý kiến giải trình của Sở Nông nghiệp và PTNT
		đảm bảo tính phù hợp.	
		<p>2. Ngôn ngữ, kỹ thuật soạn thảo văn bản</p> <p>Đề nghị đối chiếu dự thảo văn bản với mẫu số 36 Phụ lục I kèm theo Nghị định số 154/2020/NĐ-CP, quy định tại Nghị định số 34/2016/NĐ-CP, Nghị định số 154/2020/NĐ-CP để trình bày dự thảo văn bản đảm bảo phù hợp với quy định, như:</p> <p>a) Trình bày căn cứ ban hành văn bản theo quy định tại khoản 3 Điều 61 Nghị định số 34/2016/NĐ-CP (<i>sau mỗi căn cứ phải xuống dòng</i>).</p> <p>b) Trình bày tên cơ quan ban hành văn bản đảm bảo quy định khoản 2 Điều 57 Nghị định số 34/2016/NĐ-CP (<i>tên cơ quan ban hành văn bản trình bày bằng cỡ chữ 13</i>).</p> <p>c) Trình bày số thứ tự các khoản của điều đảm bảo quy định tại điểm đ khoản 5 Điều 62 Nghị định số 34/2016/NĐ-CP (<i>không in đậm số thứ tự các khoản</i>).</p> <p>d) Chỉnh sửa một số lỗi chính tả, như: “<u>CỘNG HOÀ</u>”, “<u>Luật sửa đổi, bổ sung</u>”, ...</p>	Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn đã tiếp thu và điều chỉnh trong dự thảo Nghị quyết
3	Sở Công Thương: Thống nhất dự thảo		
4	Sở Tài nguyên và Môi trường: Thống nhất dự thảo		
5	Ban quản lý khu kinh tế tỉnh: Thống nhất dự thảo		
6	Sở Tài chính: Thống nhất dự thảo		

STT	Đơn vị tham gia góp ý	Các ý kiến tham gia	Ý kiến giải trình của Sở Nông nghiệp và PTNT
7	Sở Giao thông Vận tải:	Thống nhất dự thảo	
8	Ban Dân tộc:	Thống nhất dự thảo	
9	Sở Thông tin và Truyền Thông:	Thống nhất dự thảo	
10	Sở Xây dựng:	Thống nhất dự thảo	
11	Sở Văn hóa – Thể thao và Du lịch:	Thống nhất dự thảo	
12	Sở Ngoại vụ:	Thống nhất dự thảo	
13	Sở Y tế:	Thống nhất dự thảo	
14	Sở Giáo dục và Đào tạo:	Thống nhất dự thảo	
15	Hội Liên hiệp phụ nữ tỉnh:	Thống nhất dự thảo	
16	Sở Lao động – Thương binh và Xã hội:	Thống nhất dự thảo	
17	Sở Khoa học và Công nghệ:	Thống nhất dự thảo	
18	Đài Phát thanh – Truyền hình tỉnh:	Không có văn bản góp ý	
19	Tỉnh đoàn:	Không có văn bản góp ý.	
20	Liên minh Hợp tác xã tỉnh:	Không có văn bản góp ý	
21	Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam tỉnh:	Không có văn bản góp ý	

STT	Đơn vị tham gia góp ý	Các ý kiến tham gia	Ý kiến giải trình của Sở Nông nghiệp và PTNT
22	Sở Nội vụ:	Không có văn bản góp ý.	
23	Hội Nông dân tỉnh:	Không có văn bản góp ý	
24	Công an tỉnh:	Không có văn bản góp ý	
25	Bộ Chỉ huy quân sự tỉnh:	Không có văn bản góp ý	
26	Kho bạc Nhà nước:	Không có văn bản góp ý	
27	Hội Cựu Chiến binh tỉnh:	Không có văn bản góp ý	
28	Cục Thống kê tỉnh:	Không có văn bản góp ý	
29	Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh:	Không có văn bản góp ý.	
II	Các huyện, thị xã, thành phố: Có 17 địa phương được gửi văn bản lấy ý kiến		
1	Huyện Mang Yang	Tại Điều 1. Thay thế cụm từ “sau khi được Ủy ban nhân dân tỉnh quyết định công nhận sản phẩm OCOP từ 3 sao trở lên” thành cụm từ “sau khi được Ủy ban nhân dân cấp huyện công nhận sản phẩm OCOP 3 sao trở lên hoặc Quyết định phê duyệt kết quả chấm điểm đạt từ 70 điểm trở lên theo quy định tại điểm b khoản 1 và điểm c khoản 3 Phụ lục II ban hành kèm theo Quyết định 148/QĐ-TTg ngày 24 tháng 02 năm 2023 của Thủ tướng Chính phủ về việc ban hành bộ tiêu chí và quy trình đánh giá, phân hạng sản phẩm chương trình mỗi xã một sản phẩm” đề nghị sửa lại thành “sau khi được Ủy ban nhân dân cấp huyện công nhận sản phẩm OCOP 3 sao trở lên hoặc Quyết định của Ủy ban nhân dân cấp huyện phê duyệt kết quả chấm điểm đạt từ 70 điểm trở lên theo quy định tại điểm b khoản 1 và điểm c khoản 3 Phụ lục II ban hành kèm theo Quyết định 148/QĐ-TTg ngày 24 tháng 02 năm 2023 của Thủ	Tại điểm b khoản 1 và điểm c khoản 3 Phụ lục II ban hành kèm theo Quyết định 148/QĐ-TTg ngày 24 tháng 02 năm 2023 của Thủ tướng Chính phủ về việc ban hành bộ tiêu chí và quy trình đánh giá, phân hạng sản phẩm chương trình mỗi xã một sản phẩm đã quy định sản quy định: - Điểm b khoản 1 quy định: “UBND cấp huyện chuyển hồ sơ các sản phẩm có số điểm đạt từ 70 điểm đến 100 điểm (từ 4 sao trở lên) lên Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương (UBND cấp tỉnh) để đề nghị đánh giá, phân hạng,

STT	Đơn vị tham gia góp ý	Các ý kiến tham gia	Ý kiến giải trình của Sở Nông nghiệp và PTNT
		<p><i>tướng Chính phủ về việc ban hành bộ tiêu chí và quy trình đánh giá, phân hạng sản phẩm chương trình mỗi xã một sản phẩm”.</i></p>	<p><i>công nhận sản phẩm OCOP”.</i></p> <ul style="list-style-type: none"> - Điểm c khoản 3 quy định: <i>“Hồ sơ đề xuất đánh giá sản phẩm cấp tỉnh: Do UBND cấp huyện chuẩn bị, bao gồm:</i> - <i>Công văn gửi UBND cấp tỉnh đề nghị đánh giá, phân hạng sản phẩm OCOP.</i> - <i>Tài liệu họp Hội đồng cấp huyện: Báo cáo thẩm định của Tổ tư vấn; Biên bản đánh giá của Hội đồng cấp huyện; Quyết định phê duyệt kết quả chấm điểm.</i> - <i>Hồ sơ sản phẩm.”</i> <p>Theo đó đã quy định quyết định phê duyệt kết quả chấm điểm đạt từ 70 điểm trở lên là do Ủy ban nhân dân cấp huyện ban hành. Vì vậy, Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn không đưa vào dự thảo.</p>
2	Huyện Đak Pơ: Thống nhất các nội dung theo dự thảo		
3	Huyện Kông Chro: Thống nhất các nội dung theo dự thảo		
4	Huyện Kbang: Thống nhất các nội dung theo dự thảo.		
5	Thị xã An Khê: Thống nhất các nội dung theo dự thảo.		
6	Thành phố Pleiku: Không có văn bản góp ý		
7	Huyện Chư Prông: Không có văn bản góp ý		

STT	Đơn vị tham gia góp ý	Các ý kiến tham gia	Ý kiến giải trình của Sở Nông nghiệp và PTNT
8	Thị xã Ayun Pa:	Không có văn bản góp ý	
9	Huyện Ia Pa:	Không có văn bản góp ý	
10	Huyện Chư Puh:	Không có văn bản góp ý	
11	Huyện Đrúc Cơ:	Không có văn bản góp ý	
12	Huyện Ia Grai:	Không có văn bản góp ý	
13	Huyện Krông Pa:	Không có văn bản góp ý.	
14	Huyện Chư Păh:	Không có văn bản góp ý.	
15	Huyện Chư Sê:	Không có văn bản góp ý.	
16	Huyện Đak Đoa:	Không có văn bản góp ý.	
17	Huyện Phú Thiện:	Không có văn bản góp ý	
III	Các chủ thể có sản phẩm tham gia đánh giá, phân hạng sản phẩm OCOP		
1	Hộ Kinh doanh Nguyễn Thảo:	Tổng nhất các nội dung theo dự thảo	

BÁO CÁO
ĐÁNH GIÁ TÁC ĐỘNG CỦA CHÍNH SÁCH
(Đề nghị ban hành Nghị quyết Sửa đổi điểm 2.1 khoản 2 Điều 2 Nghị quyết số 41/2022/NQ-HĐND ngày 09 tháng 12 năm 2022 của Hội đồng nhân dân tỉnh Gia Lai quy định nội dung và mức chi đặc thù triển khai thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới giai đoạn 2021-2025 trên địa bàn tỉnh Gia Lai)

Thực hiện quy định của Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật, Ủy ban nhân dân tỉnh Báo cáo đánh giá tác động của chính sách trong đề nghị ban hành Nghị quyết Sửa đổi điểm 2.1 khoản 2 Điều 2 Nghị quyết số 41/2022/NQ-HĐND ngày 09 tháng 12 năm 2022 của Hội đồng nhân dân tỉnh Gia Lai quy định nội dung và mức chi đặc thù triển khai thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới giai đoạn 2021-2025 trên địa bàn tỉnh Gia Lai, như sau:

I. XÁC ĐỊNH VẤN ĐỀ BẮT CẬP TỔNG QUAN

1. Bối cảnh xây dựng chính sách

Ngày 09 tháng 12 năm 2022, Hội đồng nhân dân tỉnh Gia Lai ban hành Nghị quyết số 41/2022/NQ-HĐND quy định nội dung và mức chi đặc thù triển khai thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới giai đoạn 2021-2025 trên địa bàn tỉnh Gia Lai.

Căn cứ quy định tại điểm b, khoản 1 Phụ lục II ban hành kèm theo Quyết định 1048/QĐ-TTg ngày 21 tháng 8 năm 2019 của Thủ tướng Chính phủ về việc ban hành bộ tiêu chí đánh giá, phân hạng sản phẩm Chương trình mỗi xã một sản phẩm, quy định “Ủy ban nhân dân cấp tỉnh ban hành Quyết định phê duyệt kết quả đánh giá và Giấy chứng nhận cho các sản phẩm đạt từ ba (03) đến bốn (04) sao, tổ chức công bố kết quả”. Theo đó, tại điểm 2.1 khoản 2 Điều 2 Nghị quyết số 41/2022/NQ-HĐND quy định “Chi hỗ trợ cho các đối tượng tham gia đánh giá, phân hạng sản phẩm OCOP thực hiện kiểm nghiệm chất lượng sản phẩm cho các nhóm sản phẩm thực phẩm, đồ uống, dược liệu và sản phẩm từ dược liệu, hàng thủ công mỹ nghệ sau khi được Ủy ban nhân dân tỉnh quyết định công nhận sản phẩm OCOP từ 3 sao trở lên như sau:”.

Thủ tướng Chính phủ đã ban hành Quyết định số 148/QĐ-TTg ngày 24 tháng 02 năm 2023 về việc ban hành bộ tiêu chí và quy trình đánh giá, phân hạng sản phẩm chương trình mỗi xã một sản phẩm, thay thế Quyết định số 1048/QĐ-TTg. Trong đó, tại điểm b, khoản 1 Phụ lục II ban hành kèm theo Quyết định 148/QĐ-TTg quy định “Ủy ban nhân dân cấp huyện ban hành Quyết định phê duyệt kết quả đánh giá và Giấy chứng nhận cho các sản phẩm đạt 3 sao, tổ chức công bố

kết quả”; tại điểm c , khoản 1 Phụ lục II ban hành kèm theo Quyết định 148/QĐ-TTg quy định “*Ủy ban nhân dân cấp tỉnh ban hành Quyết định phê duyệt kết quả đánh giá và Giấy chứng nhận cho các sản phẩm đạt 4 sao, tổ chức công bố kết quả*”; tại điểm d , khoản 1 Phụ lục II ban hành kèm theo Quyết định số 148/QĐ-TTg quy định “*Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn ban hành Quyết định phê duyệt kết quả đánh giá và Giấy chứng nhận cho các sản phẩm đạt 5 sao (là sản phẩm OCOP cấp quốc gia), tổ chức công bố kết quả.*”

Theo đó, nội dung “*sau khi được Ủy ban nhân dân tỉnh quyết định công nhận sản phẩm OCOP từ 3 sao trở lên*” quy định tại điểm 2.1 khoản 2 Điều 2 Nghị quyết số 41/2022/NQ-HĐND không còn phù hợp để các địa phương triển khai thực hiện.

Trong năm 2023, Ủy ban nhân dân tỉnh Gia Lai đã phân bổ cho Ủy ban nhân dân các huyện, thị xã, thành phố 1.546 triệu đồng từ nguồn ngân sách tỉnh¹ để hỗ trợ thực hiện kiểm nghiệm chất lượng sản phẩm đăng ký tham gia đánh giá, phân hạng sản phẩm OCOP năm 2023. Vì vậy, cần phải ban hành Nghị quyết điều chỉnh Nghị quyết số 41/2022/NQ-HĐND để làm cơ sở cho các địa phương thực hiện hỗ trợ, giải ngân nguồn vốn đã được phân bổ theo đúng quy định.

2. Mục tiêu xây dựng chính sách

- Mục tiêu tổng thể:

Việc Sửa đổi điểm 2.1 khoản 2 Điều 2 Nghị quyết số 41/2022/NQ-HĐND làm cơ sở pháp lý cho các địa phương thực hiện nguồn kinh phí hỗ trợ cho các đối tượng tham gia đánh giá, phân hạng sản phẩm OCOP thực hiện kiểm nghiệm chất lượng sản phẩm cho các nhóm sản phẩm thực phẩm, đồ uống, dược liệu và sản phẩm từ dược liệu, hàng thủ công mỹ nghệ.

- Mục tiêu cụ thể:

+ Điều chỉnh thẩm quyền quyết định công nhận sản phẩm OCOP 3 sao để phù hợp với quy định tại Quyết định số 148/QĐ-TTg.

+ Góp phần đạt chuẩn mục tiêu Tỉnh ủy giao trong giai đoạn 2021-2025: trên 246 ý tưởng sản phẩm được công nhận OCOP.

II. ĐÁNH GIÁ TÁC ĐỘNG CỦA CHÍNH SÁCH

Chính sách: Sửa đổi điểm 2.1 khoản 2 Điều 2 Nghị quyết số 41/2022/NQ-HĐND

1.1. Xác định vấn đề bất cập:

Tại điểm 2.1 khoản 2 Điều 2 Nghị quyết số 41/2022/NQ-HĐND quy định “*Chi hỗ trợ cho các đối tượng tham gia đánh giá, phân hạng sản phẩm OCOP thực hiện kiểm nghiệm chất lượng sản phẩm cho các nhóm sản phẩm thực phẩm, đồ uống, dược liệu và sản phẩm từ dược liệu, hàng thủ công mỹ nghệ sau khi được Ủy ban nhân dân tỉnh quyết định công nhận sản phẩm OCOP từ 3 sao trở lên như*

¹ Tại Quyết định số 161/QĐ-UBND ngày 17 tháng 4 năm 2023 của Ủy ban nhân dân tỉnh phân bổ vốn sự nghiệp thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia Xây dựng nông thôn mới năm 2023

sau:”. Theo đó, các đối tượng tham gia đánh giá, phân hạng sản phẩm OCOP chỉ được nhận kinh phí hỗ trợ kiểm nghiệm chất lượng sản phẩm sau khi được Ủy ban nhân dân tỉnh quyết định công nhận sản phẩm OCOP từ 3 sao trở lên.

Tuy nhiên, tại điểm b, khoản 1 Phụ lục II ban hành kèm theo Quyết định 148/QĐ-TTg quy định “Ủy ban nhân dân cấp huyện ban hành Quyết định phê duyệt kết quả đánh giá và cấp Giấy chứng nhận cho các sản phẩm đạt 3 sao, tổ chức công bố kết quả”; tại điểm c, khoản 1 Phụ lục II ban hành kèm theo Quyết định 148/QĐ-TTg quy định “Ủy ban nhân dân cấp tỉnh ban hành Quyết định phê duyệt kết quả đánh giá và cấp Giấy chứng nhận cho các sản phẩm đạt 4 sao, tổ chức công bố kết quả”; tại điểm d, khoản 1 Phụ lục II ban hành kèm theo Quyết định số 148/QĐ-TTg quy định “Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn ban hành Quyết định phê duyệt kết quả đánh giá và Giấy chứng nhận cho các sản phẩm đạt 5 sao (là sản phẩm OCOP cấp quốc gia), tổ chức công bố kết quả.”. Theo đó, ủy ban nhân dân tỉnh chỉ quyết định công nhận sản phẩm OCOP đạt 4 sao, còn sản phẩm đạt 3 sao và 5 sao ủy ban nhân dân tỉnh không quyết định công nhận.

Nếu vẫn giữ nguyên theo quy định tại điểm 2.1 khoản 2 Điều 2 Nghị quyết số 41/2022/NQ-HĐND, các sản phẩm được công nhận OCOP đạt 3 sao và 5 sao không được nhận kinh phí hỗ trợ kiểm nghiệm chất lượng sản phẩm.

1.2. Thuyết minh nội dung đề xuất sửa đổi so với quy định tại Quyết định số 148/QĐ-TTg

Thay thế cụm từ “sau khi được Ủy ban nhân dân tỉnh quyết định công nhận sản phẩm OCOP từ 3 sao trở lên” thành cụm từ “sau khi được Ủy ban nhân dân các huyện, thị xã, thành phố quyết định công nhận sản phẩm OCOP 3 sao hoặc quyết định phê duyệt kết quả chấm điểm đạt từ 70 điểm trở lên theo quy định tại điểm b khoản 1 và điểm c khoản 3 Phụ lục II ban hành kèm theo Quyết định 148/QĐ-TTg ngày 24 tháng 02 năm 2023 của Thủ tướng Chính phủ về việc ban hành bộ tiêu chí và quy trình đánh giá, phân hạng sản phẩm chương trình mỗi xã một sản phẩm” tại điểm 2.1 khoản 2 Điều 2 Nghị quyết số 41/2022/NQ-HĐND ngày 09 tháng 12 năm 2022 của Hội đồng nhân dân tỉnh Gia Lai quy định nội dung và mức chi đặc thù triển khai thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới giai đoạn 2021-2025 trên địa bàn tỉnh Gia Lai.

Về quy định “sau khi được Ủy ban nhân dân các huyện, thị xã, thành phố quyết định công nhận sản phẩm OCOP 3 sao” đảm bảo phù hợp với quy định tại điểm b khoản 1 Phụ lục II ban hành kèm theo Quyết định số 148/QĐ-TTg.

Về quy định “quyết định phê duyệt kết quả chấm điểm đạt từ 70 điểm trở lên”:

- Tại điểm b khoản 4 Phụ lục II ban hành kèm theo Quyết định số 148/QĐ-TTg quy định: “- UBND cấp huyện ban hành Quyết định phê duyệt kết quả đánh giá và Cấp giấy chứng nhận cho các sản phẩm đạt 3 sao, tổ chức công bố kết quả.

- UBND cấp huyện chuyển hồ sơ các sản phẩm có số điểm đạt từ 70 điểm đến 100 điểm (từ 4 sao trở lên) lên Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương (UBND cấp tỉnh) để đề nghị đánh giá, phân hạng, công nhận sản phẩm OCOP.”.

Theo đó, sản phẩm đánh giá cấp huyện đạt 50 đến 69 điểm sẽ được Ủy ban nhân dân cấp huyện quyết định công nhận đạt OCOP 3 sao và đủ điều kiện để được nhận kinh phí hỗ trợ kiểm nghiệm chất lượng sản phẩm. Tuy nhiên, đối với các sản phẩm đánh giá cấp huyện đạt từ 70 điểm trở lên thì chưa được công nhận sản phẩm OCOP để được nhận hỗ trợ mà chỉ được Ủy ban nhân dân cấp huyện quyết định công nhận kết quả chấm điểm để chuyển hồ sơ về Hội đồng cấp tỉnh đánh giá phân hạng. Vì vậy, chưa được nhận kinh phí hỗ trợ kiểm nghiệm chất lượng sản phẩm.

- Tại điểm c khoản 4 Phụ lục II ban hành kèm theo Quyết định số 148/QĐ-TTg quy định: “- Hội đồng cấp tỉnh tổ chức đánh giá, xếp hạng các sản phẩm do cấp huyện đề xuất.

- UBND cấp tỉnh ban hành Quyết định phê duyệt kết quả đánh giá và Giấy chứng nhận cho các sản phẩm đạt 4 sao, tổ chức công bố kết quả.

- Trường hợp kết quả đánh giá của Hội đồng cấp tỉnh không đạt 4 sao, Hội đồng cấp tỉnh gửi trả kết quả (bằng văn bản) và hồ sơ về UBND cấp huyện:

+ Đối với những sản phẩm được Hội đồng cấp tỉnh đánh giá không đạt 70 điểm trở lên (nhưng đạt trên 50 điểm), UBND cấp huyện xem xét, lấy làm căn cứ để ban hành Quyết định phê duyệt kết quả đánh giá và cấp Giấy chứng nhận đạt 3 sao, hoặc tổ chức đánh giá và phân hạng theo thẩm quyền được phân cấp.

+ Đối với sản phẩm được Hội đồng cấp tỉnh đánh giá là hồ sơ không hợp lệ theo quy định, UBND cấp huyện hoàn thiện hồ sơ đánh giá lại và phân hạng sản phẩm theo thẩm quyền được phân cấp.

- UBND cấp tỉnh chuyển hồ sơ các sản phẩm đạt từ 90 điểm đến 100 điểm lên Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn đề nghị đánh giá, công nhận sản phẩm OCOP cấp quốc gia.”.

Theo đó, sản phẩm đánh giá cấp tỉnh đạt 70 đến 89 điểm sẽ được Ủy ban nhân dân tỉnh quyết định công nhận đạt OCOP 4 sao và đủ điều kiện để được nhận kinh phí hỗ trợ kiểm nghiệm chất lượng sản phẩm. Trường hợp Hội đồng cấp tỉnh đánh giá sản phẩm chưa đạt 70 điểm thì Ủy ban nhân dân cấp huyện lấy làm căn cứ để Quyết định phê duyệt kết quả đánh giá và cấp Giấy chứng nhận đạt 3 sao và hỗ trợ kinh phí kiểm nghiệm chất lượng sản phẩm cho chủ thể. Tuy nhiên, đối với các sản phẩm đánh giá cấp tỉnh đạt từ 90 điểm trở lên thì chưa được công nhận sản phẩm OCOP để được nhận hỗ trợ mà chỉ được Ủy ban nhân dân tỉnh chuyển hồ sơ về Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn đánh giá phân hạng. Vì vậy, chưa được nhận kinh phí hỗ trợ kiểm nghiệm chất lượng sản phẩm.

- Tại điểm d khoản 4 Phụ lục II ban hành kèm theo Quyết định số 148/QĐ-TTg quy định: “- Hội đồng cấp trung ương tổ chức đánh giá, phân hạng các sản phẩm do UBND cấp tỉnh đề xuất.

- Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn ban hành Quyết định phê duyệt kết quả đánh giá và Giấy chứng nhận cho các sản phẩm đạt 5 sao (là sản phẩm OCOP cấp quốc gia), tổ chức công bố kết quả.

- Trường hợp kết quả đánh giá không đạt 5 sao, Hội đồng cấp trung ương gửi trả kết quả (bằng văn bản) và hồ sơ về UBND cấp tỉnh:

+ Đối với sản phẩm đánh giá không đạt 90 điểm, nhưng trên 70 điểm, UBND cấp tỉnh có thể căn cứ vào kết quả đánh giá của Hội đồng cấp trung ương để ban hành quyết định công nhận đạt 4 sao, cấp Giấy chứng nhận đạt 4 sao hoặc tổ chức đánh giá và phân hạng theo thẩm quyền được phân cấp.

+ Đối với sản phẩm được Hội đồng Trung ương đánh giá hồ sơ không hợp lệ theo quy định, UBND cấp tỉnh hoàn thiện hồ sơ, đánh giá và phân hạng sản phẩm theo thẩm quyền được phân cấp.”

Theo đó, sản phẩm đánh giá cấp quốc gia đạt trên 90 điểm sẽ được Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn quyết định công nhận đạt OCOP 5 sao và đủ điều kiện để được nhận kinh phí hỗ trợ kiểm nghiệm chất lượng sản phẩm. Trường hợp Hội đồng cấp tỉnh đánh giá sản phẩm chưa đạt 90 điểm thì Ủy ban nhân dân tỉnh lấy làm căn cứ để quyết định công nhận đạt 4 sao, cấp Giấy chứng nhận đạt 4 sao và hỗ trợ kinh phí kiểm nghiệm chất lượng sản phẩm cho chủ thể.

Thời gian hoàn thiện hồ sơ từ cấp huyện để có kết quả đánh giá, phân hạng cấp tỉnh, đặc biệt là cấp quốc gia có thể kéo dài sang các năm kế tiếp. Vì vậy, để được quyết định công nhận sản phẩm OCOP 4 sao hoặc 5 sao nhận kinh phí hỗ trợ kiểm nghiệm lâu, ảnh hưởng đến việc lập dự toán triển khai thực hiện chương trình hàng năm, cũng như chứng từ thanh toán cho chủ thể không còn hợp lệ do chứng từ thanh toán của năm nào thì thanh toán cho nguồn kinh phí của năm đó.

Bên cạnh đó, mức hỗ trợ kiểm nghiệm chất lượng sản phẩm là bằng nhau và mỗi sản phẩm chỉ được nhận hỗ trợ 01 lần. Vì vậy, cơ quan soạn thảo đề xuất quy định các sản phẩm sau khi được quyết định phê duyệt kết quả chấm điểm đạt từ 70 điểm trở lên thì được nhận kinh phí hỗ trợ kiểm nghiệm chất lượng sản phẩm để thuận lợi cho quá trình lập dự toán, thực hiện và giải ngân kinh phí hàng năm theo đúng quy định.

1.3. Mục tiêu giải quyết vấn đề

Để các sản phẩm được công nhận OCOP đạt 4 sao và 5 sao được nhận kinh phí hỗ trợ kiểm nghiệm chất lượng sản phẩm.

Đảm bảo sự công bằng trong hỗ trợ kinh phí kiểm nghiệm chất lượng sản phẩm đối với các chủ thể tham gia đánh giá, phân hạng sản phẩm OCOP đạt sao.

1.4. Các giải pháp đề xuất để giải quyết vấn đề

a) Giải pháp 1: Giữ nguyên các quy định pháp luật hiện hành (thực hiện theo Nghị quyết số 41/2022/NQ-HĐND).

b) Giải pháp 2: Sửa đổi quy định tại điểm 2.1 khoản 2 Điều 2 Nghị quyết số 41/2022/NQ-HĐND.

1.5. Đánh giá tác động của các giải pháp đối với đối tượng chịu sự tác động trực tiếp của chính sách và các đối tượng khác có liên quan.

a) Đối với giải pháp 1:

- Tác động tích cực: Giảm mức kinh phí nhà nước để thực hiện việc hỗ trợ.
- Tác động tiêu cực: Không đảm bảo sự công bằng giữa các chủ thể tham gia đánh giá, phân hạng sản phẩm OCOP đạt sao.

b) Đối với giải pháp 2:

- Tác động tích cực:
 - + Đảm bảo sự công bằng giữa các chủ thể tham gia đánh giá, phân hạng sản phẩm OCOP đạt sao;
 - + Khuyến khích các đối tượng trên địa bàn tỉnh đăng ký tham gia đánh giá, phân hạng sản phẩm OCOP.
- Tác động tiêu cực: Làm phát sinh các chi phí với nhà nước, để chi hỗ trợ.

1.6. Kiến nghị giải pháp lựa chọn: Lựa chọn giải pháp 2.

III. Ý KIẾN THAM VẤN

Trong quá trình xây dựng dự thảo báo cáo đánh giá tác động của Dự thảo Nghị quyết, cơ quan soạn thảo đã tham vấn ý kiến của các cơ quan liên quan, các địa phương. Quá trình đánh giá tác động đã giúp cho Ban soạn thảo lựa chọn được các phương án tối ưu để đưa vào dự thảo Nghị quyết. Các phương án được lựa chọn cơ bản đáp ứng được các mục tiêu bảo đảm tính khoa học, phù hợp với thực tiễn, tính đến hiệu quả, tránh tính hình thức, bảo đảm tính thống nhất trong hệ thống văn bản pháp luật; bảo đảm tính kịp thời trong giải quyết các vấn đề của thực tiễn.

IV. GIÁM SÁT VÀ ĐÁNH GIÁ

Sau khi Hội đồng nhân dân tỉnh ban hành Nghị quyết, Ủy ban nhân dân tỉnh là cơ quan chịu trách nhiệm chỉ đạo việc thực hiện chính sách; các Ban Hội đồng nhân dân tỉnh, đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh giám sát quá trình thực hiện chính sách.

Trên đây là báo cáo đánh giá tác động chính sách đối với Nghị quyết Sửa đổi điểm 2.1 khoản 2 Điều 2 Nghị quyết số 41/2022/NQ-HĐND ngày 09 tháng 12 năm 2022 của Hội đồng nhân dân tỉnh Gia Lai quy định nội dung và mức chi đặc thù triển khai thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới giai đoạn 2021-2025 trên địa bàn tỉnh Gia Lai./.

Nơi nhận:

- Thường trực HĐND tỉnh;
- Chủ tịch, các Phó Chủ tịch UBND tỉnh;
- Sở Nông nghiệp và PTNT;
- Các sở, ban, ngành thuộc tỉnh;
- CVP, các PCVP UBND tỉnh;
- Lưu: VT, KTTH, NC, NL.

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH



Dương Mah Tiệp

HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN
TỈNH GIA LAI

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: 271/NQ-HĐND

Gia Lai, ngày 26 tháng 9 năm 2023

NGHỊ QUYẾT

Về việc xây dựng Nghị quyết của Hội đồng nhân dân tỉnh
Sửa đổi điểm 2.1 khoản 2 Điều 2 Nghị quyết số 41/2022/NQ-HĐND
ngày 09 tháng 12 năm 2022 của Hội đồng nhân dân tỉnh Gia Lai quy định
nội dung và mức chi đặc thù triển khai thực hiện Chương trình mục tiêu quốc
gia xây dựng nông thôn mới giai đoạn 2021-2025 trên địa bàn tỉnh Gia Lai

THƯỜNG TRỰC HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN TỈNH GIA LAI

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015;
Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức
chính quyền địa phương ngày 22 tháng 11 năm 2019;

Căn cứ Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật ngày 22 tháng 6 năm
2015; Luật Sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp
luật ngày 18 tháng 6 năm 2020;

Căn cứ Luật Ngân sách nhà nước ngày 25 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Quyết định số 148/QĐ-TTg ngày 24 tháng 02 năm 2023 của Thủ
tướng Chính phủ "Về việc ban hành Bộ tiêu chí và quy định đánh giá, phân hạng
sản phẩm Chương trình mỗi xã một sản phẩm";

Căn cứ Nghị quyết số 41/2022/NQ-HĐND ngày 09 tháng 12 năm 2022 của
Hội đồng nhân dân tỉnh "Quy định nội dung và mức chi đặc thù triển khai thực hiện
Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới giai đoạn 2021-2025 trên
địa bàn tỉnh Gia Lai";

Theo đề nghị của Ủy ban nhân dân tỉnh tại Tờ trình số 2420/TTr-UBND ngày
08 tháng 9 năm 2023 của Ủy ban nhân dân tỉnh "Về việc đề nghị xây dựng Nghị
quyết Sửa đổi điểm 2.1 khoản 2 Điều 2 Nghị quyết số 41/2022/NQ-HĐND ngày 09
tháng 12 năm 2022 của Hội đồng nhân dân tỉnh Gia Lai quy định nội dung và mức
chi đặc thù triển khai thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn
mới giai đoạn 2021-2025 trên địa bàn tỉnh Gia Lai"; Báo cáo thẩm tra số 325/BC-
HĐND ngày 25 tháng 9 năm 2023 của Ban Kinh tế - Ngân sách Hội đồng nhân dân
tỉnh và ý kiến thống nhất của đại biểu tại phiên họp ngày 26 tháng 9 năm 2023.

QUYẾT NGHỊ:

Điều 1. Chấp thuận đề Ủy ban nhân dân tỉnh xây dựng dự thảo Nghị quyết của
Hội đồng nhân dân tỉnh "Sửa đổi điểm 2.1 khoản 2 Điều 2 Nghị quyết số 41/2022/NQ-
HĐND ngày 09 tháng 12 năm 2022 của Hội đồng nhân dân tỉnh Gia Lai quy định nội
dung và mức chi đặc thù triển khai thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia xây

dụng nông thôn mới giai đoạn 2021-2025 trên địa bàn tỉnh Gia Lai" theo trình tự, thủ tục rút gọn.

Thời gian trình: Tại Kỳ họp gần nhất năm 2023 của Hội đồng nhân dân tỉnh khóa XII, nhiệm kỳ 2021-2026.

Điều 2. Các Ban Hội đồng nhân dân tỉnh, Ủy ban nhân dân tỉnh, Văn phòng Đoàn Đại biểu Quốc hội và Hội đồng nhân dân tỉnh và các đơn vị có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Nghị quyết này.

Nghị quyết có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký. *JK*

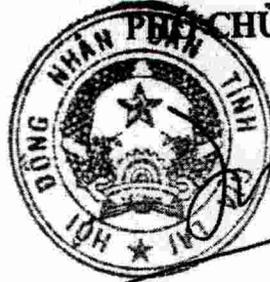
Nơi nhận:

- Như Điều 2;
- Ủy viên Thường trực HĐND tỉnh;
- Văn phòng UBND tỉnh;
- Lưu: VT, VP.

TM. THƯỜNG TRỰC HĐND TỈNH

KT. CHỦ TỊCH

CHỦ TỊCH



Trương Văn Đạt
Trương Văn Đạt



Người ký: Hội đồng nhân dân tỉnh Gia Lai
Email: hndd@gialai.gov.vn
Cơ quan: Tỉnh Gia Lai
Thời gian ký: 13.12.2022
14:37:46 +07:00

**HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN
TỈNH GIA LAI**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: 41/2022/NQ-HĐND

Gia Lai, ngày 09 tháng 12 năm 2022

NGHỊ QUYẾT

Quy định nội dung và mức chi đặc thù triển khai thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới giai đoạn 2021-2025 trên địa bàn tỉnh Gia Lai

**HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN TỈNH GIA LAI
KHÓA XII, KỲ HỌP THỨ CHÍN**

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 22 tháng 11 năm 2019;

Căn cứ Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật ngày 22 tháng 6 năm 2015; Căn cứ Luật Sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật ngày 18 tháng 6 năm 2020;

Căn cứ Luật Ngân sách nhà nước ngày 25 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Nghị định số 163/2016/NĐ-CP ngày 21 tháng 12 năm 2016 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Ngân sách nhà nước;

Căn cứ Thông tư số 53/2022/TT-BTC ngày 12 tháng 8 năm 2022 của Bộ trưởng Bộ Tài chính quy định quản lý và sử dụng kinh phí sự nghiệp từ nguồn ngân sách trung ương thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới giai đoạn 2021-2025;

Xét Tờ trình số 2707/TTr-UBND ngày 17 tháng 11 năm 2022 của Ủy ban nhân dân tỉnh Quy định một số nội dung và mức chi đặc thù triển khai thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới giai đoạn 2021-2025 trên địa bàn tỉnh Gia Lai; Báo cáo thẩm tra số 212/BC-HĐND ngày 28 tháng 11 năm 2022 của Ban Kinh tế - Ngân sách Hội đồng nhân dân tỉnh và ý kiến thảo luận của đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh tại kỳ họp.

QUYẾT NGHỊ:

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh, đối tượng áp dụng

1. Phạm vi điều chỉnh

Nghị quyết này quy định một số nội dung chi và mức chi đặc thù triển khai thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới giai đoạn 2021-2025 trên địa bàn tỉnh Gia Lai.

2. Đối tượng áp dụng

Nghị quyết này áp dụng đối với các cơ quan, tổ chức, cá nhân tham gia trong quản lý, sử dụng, thụ hưởng, quyết toán và tổ chức thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới giai đoạn 2021-2025 trên địa bàn tỉnh.

Điều 2. Nội dung, mức chi và nguồn kinh phí

1. Chi công tác theo dõi, đánh giá bộ chỉ số nước sạch nông thôn

a. Chi tập huấn cho đối tượng liên quan đến việc thu thập thông tin, cập nhật bộ chỉ số nước sạch nông thôn: Thực hiện theo quy định tại các điểm 2, 3, 5, 6 khoản II Điều 1 Nghị quyết số 75/2017/NQ-HĐND ngày 07 tháng 12 năm 2017 của Hội đồng nhân dân tỉnh quy định mức chi về công tác phí, chi hội nghị áp dụng trên địa bàn tỉnh Gia Lai; điểm 1.1 khoản 1 Điều 1 Nghị quyết số 98/2018/NQ-HĐND ngày 06 tháng 12 năm 2018 của Hội đồng nhân dân tỉnh về việc quy định mức chi đào tạo, bồi dưỡng cán bộ, công chức, viên chức trên địa bàn tỉnh Gia Lai; khoản 1, 2, 8 Điều 11 Thông tư số 40/2017/TT-BTC ngày 28 tháng 4 năm 2017 của Bộ trưởng Bộ Tài chính quy định chế độ công tác phí, chế độ hội nghị; điểm c, 1 khoản 2 Điều 5 Thông tư số 36/2018/TT-BTC ngày 30 tháng 3 năm 2018 của Bộ trưởng Bộ Tài chính hướng dẫn việc lập dự toán, quản lý, sử dụng và quyết toán kinh phí dành cho công tác đào tạo, bồi dưỡng cán bộ, công chức, viên chức.

b. Chi phô tô biểu mẫu thu thập thông tin, cập nhật bộ chỉ số nước sạch nông thôn: Hỗ trợ 100% chi phí theo hóa đơn thực tế.

c. Chi hỗ trợ cho đối tượng được giao nhiệm vụ thực hiện thu thập thông tin, cập nhật bộ chỉ số nước sạch nông thôn: Hỗ trợ 35.000 đồng/phiếu (mỗi phiếu tính cho số liệu thu thập thông tin của 20 hộ gia đình).

d. Chi công tác phí đi kiểm tra thực địa và đánh giá tiến độ, kết quả thu thập thông tin, cập nhật bộ chỉ số nước sạch nông thôn: Thực hiện theo quy định tại Mục I Điều 1 Nghị quyết số 75/2017/NQ-HĐND.

đ. Chi phân tích đánh giá chất lượng mẫu nước sinh hoạt nông thôn theo tiêu chuẩn của Bộ Y tế: Hỗ trợ 100% chi phí phân tích đánh giá chất lượng mẫu nước sinh hoạt nông thôn theo hóa đơn thực tế.

2. Chi hỗ trợ cho các đối tượng tham gia đánh giá, phân hạng sản phẩm OCOP thực hiện kiểm nghiệm chất lượng sản phẩm cho các nhóm sản phẩm thực phẩm, đồ uống, dược liệu và sản phẩm từ dược liệu, hàng thủ công mỹ nghệ

2.1. Chi hỗ trợ cho các đối tượng tham gia đánh giá, phân hạng sản phẩm OCOP thực hiện kiểm nghiệm chất lượng sản phẩm cho các nhóm sản phẩm thực phẩm, đồ uống, dược liệu và sản phẩm từ dược liệu, hàng thủ công mỹ nghệ sau khi được Ủy ban nhân dân tỉnh quyết định công nhận sản phẩm OCOP từ 3 sao trở lên như sau:

a. Đối với sản phẩm mới: Hỗ trợ tối đa 100% chi phí kiểm nghiệm chất lượng sản phẩm theo hóa đơn thực tế nhưng không quá 10 triệu đồng/sản phẩm.

b. Đối với sản phẩm nâng hạng: Hỗ trợ tối đa 50% chi phí kiểm nghiệm chất lượng sản phẩm theo hóa đơn thực tế nhưng không quá 5 triệu đồng/sản phẩm.

c. Đối với sản phẩm đánh giá lại: Hỗ trợ tối đa 70% chi phí kiểm nghiệm chất lượng sản phẩm theo hóa đơn thực tế nhưng không quá 7 triệu đồng/sản phẩm.

2.2. Sản phẩm mới, sản phẩm nâng hạng, sản phẩm đánh giá lại và các nhóm sản phẩm thực phẩm, đồ uống, dược liệu và sản phẩm từ dược liệu, hàng thủ công mỹ nghệ được xác định như sau:

a. Sản phẩm mới: Là sản phẩm lần đầu được đánh giá, phân hạng và công nhận sản phẩm OCOP đạt từ 3 sao trở lên.

b. Sản phẩm nâng hạng: Là sản phẩm đã được công nhận sản phẩm OCOP tiếp tục được đánh giá, phân hạng và công nhận sản phẩm OCOP ở hạng sao cao hơn (từ 3 sao lên 4 sao, 4 sao lên 5 sao hoặc 3 sao lên 5 sao).

c. Sản phẩm đánh giá lại: Là sản phẩm đã được công nhận sản phẩm OCOP, sau 36 tháng khi hết thời hạn được công nhận tiếp tục hoàn thiện hồ sơ, đề nghị đánh giá, phân hạng sản phẩm OCOP để tiếp tục duy trì hoặc nâng hạng sao.

d. Nhóm sản phẩm thực phẩm, đồ uống, dược liệu và sản phẩm từ dược liệu, hàng thủ công mỹ nghệ được xác định theo quy định tại điểm b khoản 3 Điều 1 của Quyết định số 919/QĐ-TTg ngày 01 tháng 8 năm 2022 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Chương trình mỗi xã một sản phẩm giai đoạn 2021 - 2025.

3. Nguồn kinh phí

Bố trí từ nguồn vốn ngân sách địa phương (ngân sách cấp tỉnh, ngân sách cấp huyện) đối ứng thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới giai đoạn 2021-2025 trên địa bàn tỉnh Gia Lai.

Điều 3. Tổ chức thực hiện

1. Giao Ủy ban nhân dân tỉnh hướng dẫn, tổ chức triển khai, thực hiện Nghị quyết này.

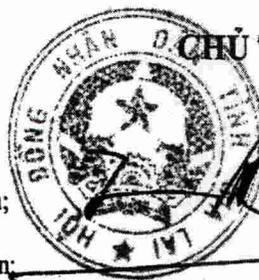
2. Thường trực Hội đồng nhân dân, các Ban Hội đồng nhân dân, Tổ đại biểu Hội đồng nhân dân, đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh và các cơ quan có chức năng giám sát việc thực hiện nghị quyết.

3. Trường hợp văn bản viện dẫn tại Nghị quyết này được sửa đổi, bổ sung, thay thế, bãi bỏ thì áp dụng quy định tại văn bản mới.

Nghị quyết này đã được Hội đồng nhân dân tỉnh Gia Lai khóa XII, Kỳ họp thứ Chín thông qua ngày 09 tháng 12 năm 2022 và có hiệu lực thi hành kể từ ngày 19 tháng 12 năm 2022./.

Nơi nhận:

- Như Điều 3;
- Ủy ban Thường vụ Quốc hội;
- Thủ tướng Chính phủ;
- Các Văn phòng: Quốc hội, Chính phủ;
- Các Bộ: Tài chính; Nông nghiệp và Phát triển nông thôn;
- Vụ pháp chế thuộc Bộ Tài chính;
- Vụ pháp chế thuộc Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn;
- Cục Kiểm tra văn bản quy phạm pháp luật - Bộ Tư pháp;
- Thường trực Tỉnh ủy, Đoàn ĐBQH tỉnh, HĐND tỉnh;
- Ủy ban MTTQ Việt Nam tỉnh;
- Đại biểu HĐND tỉnh;
- Ủy ban Kiểm tra Tỉnh ủy;
- Các sở, ban, ngành cấp tỉnh;
- Các Văn phòng: Tỉnh ủy, Đoàn ĐBQH và HĐND tỉnh, UBND tỉnh;
- HĐND, UBND các huyện, thị xã, thành phố;
- Báo Gia Lai, Đài PT-TH tỉnh;
- Lưu: VT - VP.



Hồ Văn Niên